



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VẠN AN
Van An Valuation And Auditing Company Limited

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2013

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Head office: 151 Nguyen Ngoc Nhut St., Tan Quy Ward, Tan Phu Dist, HCMC
Tel: (08) 3948 1765 - (08) 3948 1775 - 0913 68 20 75 - Fax: (08) 3948 1776
Email: vanan.kiemtoan@gmail.com - vanan.audit@gmail.com

Branch Ha Noi: Room no. 1601, Momota building,
151 Nguyen Duc Canh St, Hoang Mai Dist, Ha Noi City
Tel: (04) 3662 8634 - Email: vaca.audit.hn@gmail.com

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	5-6
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	7
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	8
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2013	9-26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty **Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Mía Đường Tây Ninh** là Công ty TNHH nhà nước, được thành lập theo quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Tây Ninh về việc chuyển đổi Công ty Mía Đường Tây Ninh thành Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4504000026 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2007 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 6 số 3900243272 ngày 30 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Tây Ninh Cấp.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 151.320.328.082 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 19, đường Võ Thị Sáu, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
Điện thoại : (066) 250 337
Fax : (066) 250 363
Mã số thuế : 3900243272

Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây mía; sản xuất đường; bán cao su; trồng cây lấy củ có chất bột; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; thoát nước và xử lý nước thải; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; cụ thể bán buôn gạo, thóc, ngô, các loại hạt ngũ cốc nông sản; hoạt động dịch vụ tài chính khác ; khai thác, xử lý và cung cấp nước; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; lắp đặt hệ thống điện; sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng đóng chai; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn đường, sữa, các sản phẩm sữa, bánh, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; kho bãi và lưu giữ hàng hoá; bốc xếp hàng hoá cảng sông; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; trồng cây cao su; Sản xuất, bán buôn gạo; sản xuất sản phẩm khác từ cao su; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; xay xát và sản xuất bột thô; sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất tức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 26).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Hội đồng thành viên:

Hội đồng thành viên của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông: Trần Cảnh Lạc	Chủ tịch HĐQT	Tháng 06 năm 2012
Ông: Nguyễn Thành Đời	Thành viên HĐQT	Tháng 06 năm 2012
Ông: Nguyễn Văn Cam	Thành viên HĐQT	Tháng 06 năm 2012

Ban Điều Hành

Ban Điều Hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông: Trần Cảnh Lạc	Tổng Giám đốc	Tháng 12 năm 2009



Ông: Nguyễn Thành Đồi
Ông: Nguyễn Văn Cam
Ông: Trần Hải Sơn
Bà: Nguyễn Thị Phúc

Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Tháng 12 năm 2007
Tháng 07 năm 2010
Tháng 10 năm 2013
Tháng 05 năm 2007

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính và bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Cảnh Lạc
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2014

540
CÔNG TY
MÍA ĐƯỜNG
VÀ ĐỊNH GIÁ
TÂY NINH
PHẦN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013 CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Kính gửi: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH Một Thành Viên Mía Đường Tây Ninh gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 19 tháng 01 năm 2014, từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Mía Đường Tây Ninh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An



Vương Hoàng Liêm – Tổng Giám đốc
 Giấy CNĐK Hành nghề KT số 0227-2013-110-1
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014



Nguyễn Khánh Tuyên - Kiểm toán viên
 Giấy CNĐK Hành nghề KT số 0228-2013-110-1

C.T
 HẠN
 H GIÁ
 N
 CHỈ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.170.713.196	192.086.968.883
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.031.775.286	28.966.936.158
1. Tiền	111		1.531.775.286	10.007.686.158
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.500.000.000	18.959.250.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	32.230.000.000	22.180.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		32.230.000.000	22.180.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.023.913.359	68.392.767.977
1. Phải thu khách hàng	131		60.246.158.286	38.741.287.203
2. Trả trước cho người bán	132		4.188.204.435	7.254.692.363
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	3.535.105.191	22.608.643.164
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.945.554.553)	(211.854.753)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	12.315.716.995	68.042.120.434
1. Hàng tồn kho	141		12.315.716.995	76.190.835.434
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(8.148.715.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		569.307.556	4.505.144.314
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		287.354.048	687.118.985
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.278.222.451
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	160.746.578	198.344.610
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		121.206.930	2.341.458.268
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		254.542.714.576	261.197.963.291
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		89.223.198.599	81.454.477.482
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	83.279.227.282	11.408.187.531
<i>Nguyên giá</i>	222		91.708.195.190	14.513.645.833
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.428.967.908)	(3.105.458.302)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.655.141.317	3.833.390.814
<i>Nguyên giá</i>	228		13.705.198.946	12.587.981.629
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.050.057.629)	(8.754.590.815)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.288.830.000	66.212.899.137
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	10.063.692.945	10.668.310.647
<i>Nguyên giá</i>	241		13.382.332.793	13.397.332.793
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3.318.639.848)	(2.729.022.146)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		154.507.678.422	165.238.535.831
1. Đầu tư vào công ty con	251		85.651.298.000	85.651.298.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		48.577.570.400	54.877.570.400
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	24.480.973.075	29.766.785.075
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.202.163.053)	(5.057.117.644)
V. Tài sản dài hạn khác	260		748.144.610	3.836.639.331
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	748.144.610	592.359.920
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	3.244.279.411
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		361.713.427.772	453.284.932.174

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		145.852.028.972	233.679.588.142
I. Nợ ngắn hạn	310		99.397.858.089	182.616.735.459
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	89.023.627.192	150.642.969.432
2. Phải trả người bán	312		598.594.370	1.481.977.052
3. Người mua trả tiền trước	313		111.644.192	17.515.748.875
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5.204.501	869.841.726
5. Phải trả người lao động	315		1.028.532.558	3.131.468.757
6. Chi phí phải trả	316	V.17	442.732.163	2.579.964.103
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	5.442.249.027	3.675.809.664
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.745.274.086	2.718.955.850
II. Nợ dài hạn	330		46.454.170.883	51.062.852.683
1. Phải trả dài hạn khác	333		40.000.000	40.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	44.506.746.635	48.623.610.255
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.907.424.248	2.399.242.428
7. Quỹ Phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.861.398.800	219.605.344.032
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	215.861.398.800	219.605.344.032
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		151.320.328.082	135.570.319.665
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		49.394.185.057	38.867.097.662
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.483.575.421	9.280.205.596
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.663.310.240	35.887.721.109
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		361.713.427.772	453.284.932.174

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý		80.850.740	80.850.740
2. Ngoại tệ USD:		207,18	207,18

Tây Ninh, ngày 19 tháng 01 năm 2014


Nguyễn Quốc Ái Di
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Phúc
 Kế toán trưởng




Trần Cảnh Lạc
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	402.206.469.749	542.340.747.291
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		16.136.364	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		402.190.333.385	542.340.747.291
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	386.619.359.751	500.505.254.441
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.570.973.634	41.835.492.850
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	51.694.072.684	41.605.539.784
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	21.225.061.677	11.178.460.694
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.833.194.078	11.174.572.219
8. Chi phí bán hàng	24		4.909.833.607	16.160.728.048
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		35.374.489.774	21.955.918.514
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.755.661.260	34.145.925.378
11. Thu nhập khác	31		1.129.862.552	824.281.428
12. Chi phí khác	32		1.271.957.023	490.013.481
13. Lợi nhuận khác	40		(142.094.471)	334.267.947
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.613.566.789	34.480.193.325
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.29	-	723.003.231
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	3.244.279.411	(1.080.000.000)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.369.287.378</u>	<u>34.837.190.094</u>

Tây Ninh, ngày 19 tháng 01 năm 2014

Nguyễn Quốc Ái Di
Người lập biểuNguyễn Thị Phúc
Kế toán trưởng
Trần Cảnh Lạc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp trực tiếp)****Năm 2013**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		272.458.938.940	431.215.760.268
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(101.679.025.425)	(490.900.768.417)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.730.646.772)	(8.585.310.957)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(17.777.518.024)	(9.374.794.767)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(574.811.705)	(1.980.588.837)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		140.600.000	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.573.977.156)	(2.813.137.685)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		139.263.559.858	(82.438.840.395)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.951.995.813)	(70.147.863.528)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(199.463.750.000)	(188.330.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		194.695.104.340	217.942.812.000
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(7.705.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		3.150.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.938.276.603	37.449.511.810
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21.367.635.130	(10.790.539.718)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		164.644.513.257	443.942.288.964
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(343.210.869.117)	(351.023.080.468)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(178.566.355.860)	92.919.208.496
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(17.935.160.872)	(310.171.617)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	28.966.936.158	29.277.107.775
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	11.031.775.286	28.966.936.158

47
 CỘP
 NH
 OÁN
 AT
 1-1

Tây Ninh, ngày 19 tháng 01 năm 2014



Nguyễn Quốc Ái Di
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Phúc
 Kế toán trưởng




Trần Cảnh Lạc
 Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước
2. **Ngành nghề kinh doanh:** Trồng cây mía; sản xuất đường; bán cao su; trồng cây lấy củ có chất bột; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; thoát nước và xử lý nước thải; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; cụ thể bán buôn gạo, thóc, ngô, các loại hạt ngũ cốc nông sản; hoạt động dịch vụ tài chính khác; khai thác, xử lý và cung cấp nước; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; lắp đặt hệ thống điện; sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng đóng chai; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn đường, sữa, các sản phẩm sữa, bánh, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; kho bãi và lưu giữ hàng hoá; bốc xếp hàng hoá cảng sông; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; trồng cây cao su; Sản xuất, bán buôn gạo; sản xuất sản phẩm khác từ cao su; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; xay xát và sản xuất bột thô; sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất tức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2013

- Trong năm 2013, nguồn thu nhập chủ lực của Công ty là xuất khẩu 4.535,25 tấn bột và 2.264,6 tấn gạo sang thị trường Trung Quốc. Cổ tức và lợi nhuận được phân phối từ các công ty: Công ty Khoai mì Tây Ninh (Công ty Mía Đường góp 30% vốn điều lệ) và Công ty Liên doanh Tapioca Việt Nam (Công ty Mía Đường góp 30% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Đường Nước Trong, Công ty Cổ phần Khoai Mì Nước Trong, Công ty CP Cao su nước trong Công ty Tư vấn và Đầu tư xây dựng Tây Ninh và Trung tâm khảo nghiệm cung cấp mía giống

- Hợp đồng cung cấp lắp đặt dây chuyền thiết bị chuyển giao công nghệ chế biến tinh bột khoai mì cho nhà máy sản xuất TBS MBC tại Ngọc Hồi Kontum, phát sinh từ năm 2008 đến nay khách hàng đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu – Phường 3 – Thị xã Tây Ninh – Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

Tuyên bố về việc tuân thủ chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký sổ cái, thực hiện bằng chương trình kế toán

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi chưa được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Số dư tài khoản này tại ngày 31/12/2013: **16.945.554.553** đồng

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

10
TY
HỮU
ĐỊ
A
HỒ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu – Phường 3 – Thị xã Tây Ninh – Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-30
Máy móc và thiết bị	10-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	3-5

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình đang ghi nhận trên sổ kế toán của Công ty là Quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp giao khoán cho các hợp đồng trồng cây hàng năm (mía, mì) và cây lâu năm (cao su, keo, xà cừ...). Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí công ty đã chi ra có liên quan đến diện tích đất sử dụng như: chi phí khai hoang, vệ sinh đồng ruộng. Thời gian khấu hao của TSCĐ vô hình là 50 năm theo nguyên giá tính từ năm 2004.

Ngoài ra kể từ năm 2008, Công ty mới ghi nhận tăng TSCĐ vô hình là phần mềm quản lý đất với thời gian khấu hao 5 năm và công ty ghi nhận thêm giá trị tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh cho việc lấy lại quyền sử dụng đất nông nghiệp bị dân lấn chiếm nay được Toà án xử và lệ phí thi hành các bản án này.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu – Phường 3 – Thị xã Tây Ninh – Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước:

Nếu có phát sinh là khoản chi phí vận chuyển hàng hoá từ Tây Ninh đến cảng Biển Đông – Cảng Hải Phòng – Lạng Sơn (đường bộ) và Móng Cái (đường thủy) nhưng hàng chưa đến cửa khẩu để làm thủ tục xuất khẩu

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Chi phí trả trước của Cảng Bến Kéo:

Là các khoản chi phí trả trước dùng cho hoạt động kinh doanh cảng Bến Kéo như: chi phí thuê kho SBT, chi phí công cụ dụng cụ, sửa chữa tài sản....

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản chi phí không thoả mãn điều kiện ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ, khoản chi phí này được phân bổ vào chi phí quản lý với thời gian phân bổ từ 13 đến 36 tháng.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm. Trong năm, Đơn vị đã ghi nhận vào tài khoản này chi phí tiền lãi vay vốn ADF để đầu tư vào vùng nguyên liệu cho DA phát triển mía đường, trích trước chi phí lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu – Phường 3 – Thị xã Tây Ninh – Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan ở đây được đề cập đến là các công ty có vốn góp của Công ty TNHH Một thành viên Mía đường Tây Ninh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	USD	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt		360.292.240	167.127.507
Tiền gửi ngân hàng		1.171.483.046	9.840.558.651
Tiền gửi ngân hàng VND ⁽¹⁾		1.167.244.292	9.836.246.199
Tiền gửi ngân hàng USD ⁽²⁾	201,5	4.238.754	4.312.452
Các khoản tương đương tiền		9.500.000.000	18.959.250.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽³⁾		9.500.000.000	18.959.250.000
Cộng		11.031.775.286	28.966.936.158

*** Chi tiết số dư cuối năm**

(1): Khoản tiền gửi không kỳ hạn VND tại:

Ngân hàng PT Việt Nam- CN Tây Ninh (TK: 70994100000004)	462.488
Ngân hàng NN&PTNT VN-CN Bến cầu (TK)	78.431.304
Ngân hàng NN&PTNT VN-CN Tây Ninh (TK: 570021100006)	90.506.592
Ngân hàng TMCP ĐT&PT CN Tây Ninh (TK:)	184.944.476
Ngân hàng TMCP An Bình Tây Ninh (TK:)	644.881.655
Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN Tây Ninh (TK:)	3.877.923
Ngân hàng TMCP Công thương CN Tây Ninh (TK:)	16.430.901
Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín CN Tây Ninh (TK:)	147.708.953

(2): Khoản tiền gửi không kỳ hạn USD tại:

Ngân hàng NN&PTNT VN-CN Tây Ninh (TK: 570021100006)	201,5
---	-------

(3): Khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại NH TMCP An Bình -CN Tây Ninh

TK: 0476021873009	6.000.000.000
TK: 0476021925009	2.500.000.000
TK: 0476021997007	1.000.000.000

** Số dư tiền gửi ngoại tệ USD cuối kỳ được đánh giá theo tỷ giá mua vào chuyển khoản của từng ngân hàng thời điểm cuối năm

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho Công ty CP Trà Phí vay theo HĐTD số 02/HĐTD-MĐ ngày 22/3/2013. lãi suất 9%/ năm	3.000.000.000	2.000.000.000
Cho Công ty TV ĐT XD Tây Ninh vay.	7.780.000.000	1.680.000.000
Cho Công ty CP Cơ Nhiệt vay theo HĐTD số 01/HĐTD-MD ngày 29/01/2013. Lãi suất theo từng thời điểm dựa vào LSTG ngân hàng	950.000.000	-
Cho Công ty CP Khoai mì Nước Trong vay theo HĐTD số 2/HD(TD-MD ngày 29/8/2013 và 3/HD(TD-MD ngày 04/12/2013. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất theo từng thời kỳ	11.000.000.000	-
Cho Công ty CP ĐHTH CCN Tân Hội theo HĐTD số 05/HĐTD-MĐ ngày 18/10/2013. Thời hạn 12 tháng, lãi suất 9%/năm	5.500.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	4.000.000.000	18.500.000.000
Cộng	32.230.000.000	22.180.000.000

(1): Khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng tại NH ĐT&PT-CN Tây Ninh theo HĐTG số: 1067/HĐTG ngày 02/01/2013. Kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 9%/năm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*** Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
DNTN Đặng Quang Vinh	566.375.550	752.485.450
Công ty CP Việt Nam Mộc Bài	331.200.000	-
Cty CP Khoai mì Nước Trong	3.524.198.661	1.281.024.247
Cty TNHH MTV TM Thành Thành Công	33.510.000	35.068.000
Cty CP Cao su Nước trong	142.913.875	-
GUO QI DO LI Trade Co., LTD	19.891.818.000	-
Công ty TNHH Xilaiphuc	35.181.000.000	36.181.000.000
Quản lý phí và tiền thuê đất cây lâu năm	423.709.506	423.709.506
Khách hàng khác	151.432.694	68.000.000
Cộng	<u>60.246.158.286</u>	<u>38.741.287.203</u>

*** Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ đầu tư nông nghiệp (nợ cũ trước 2006)	31.604.863	31.604.863
Công ty TNHH Đỗ Phú Tây Ninh	-	5.716.209.000
Cty Hưng Lộc	-	264.610.000
Công ty CP Khoai mì Nước Trong	3.000.000.000	-
Cty CP Tư Vấn XD Tây Ninh	-	282.399.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng	300.000.000	-
Nhà cung cấp khác	856.599.572	959.869.500
Cộng	<u>4.188.204.435</u>	<u>7.254.692.363</u>

3. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	250.301.665	3.897.435.483
Án phí Kontum	65.174.375	65.174.375
Thu lãi tiền cho vay	1.279.608.136	467.570.612
Công ty CP Cao Su Nước Trong	-	231.648.645
Trung tâm KNSXMG	-	177.663.440
Chi phí tài trợ từ lợi nhuận sau thuế	-	3.060.000.000
CBCNV (Thuế TNCN, tiền tham quan)	-	35.578.098
Thu lãi tiền gửi	358.000.000	332.381.259
Tiền cao su thanh lý	1.219.798.197	1.359.510.197
Công ty Hưng Lộc	362.050.000	-
BHXXH nộp thừa	172.818	2.931.055
Tạm ứng hợp đồng mua bột Cty KMNT	-	12.978.750.000
Cộng	<u>3.535.105.191</u>	<u>22.608.643.164</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu - Lúa khô	-	49.126.000
Công cụ nhà máy gạo	108.499.797	-
CPDD Dự án Ngọc Hồi Kontum	-	34.364.129.270
CPDD trồng mì thực nghiệm	68.154.000	71.617.000
CPDD trồng mía thực nghiệm	-	59.720.800
Thành phẩm gạo	7.621.640.375	14.941.859.408
Thành phẩm gạo phế phẩm	9.285.000	98.035.200
Thành phẩm tấm	299.545.498	3.209.760.849
Thành phẩm cám	310.122.638	24.934.644

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thành phẩm trâu	-	14.505.650
Hàng hóa đường RS	162.469.687	246.363.113
Hàng hóa bột	-	3.028.791.000
Hàng gửi đi bán -Cao su	3.736.000.000	20.081.992.500
Cộng	12.315.716.995	76.190.835.434

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
Số đầu năm (hợp đồng nhà máy Tại Kontum)	8.148.715.000	3.600.000.000
Trích lập dự phòng	-	4.548.715.000
Hoàn nhập dự phòng	(8.148.715.000)	-
Số cuối năm	-	8.148.715.000

*** Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	121.206.930	2.341.458.268
Chi phí trả trước ngắn hạn	287.354.048	687.118.985
Thuế GTGT được khấu trừ	-	1.278.222.451
Thuế và các khoản phải thu (thuế TNDN, TNCN, Khác xem TM V.19)	160.746.578	198.344.610
Cộng	569.307.556	4.505.144.314

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Ph.tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.989.972.252	880.385.262	2.073.299.360	569.988.959	-	14.513.645.833
Đầu tư XDCB hoà	39.988.839.354	36.986.117.222	680.250.000	-	-	77.655.206.576
TS hình thành từ C	125.254.798	-	-	-	-	125.254.798
Chuyển sang 242 1	(75.856.694)	(18.636.364)	-	(491.418.959)	-	(585.912.017)
Số cuối năm	51.028.209.710	37.847.866.120	2.753.549.360	78.570.000	-	91.708.195.190
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.139.667.924	310.631.485	323.913.749	331.245.144	-	3.105.458.302
KH trong năm	1.995.205.525	3.465.803.475	232.083.470	81.846.118	-	5.774.938.588
Chuyển sang 242 1	(56.767.104)	(2.391.666)	-	(392.270.212)	-	(451.428.982)
Số cuối kỳ	4.078.106.345	3.774.043.294	555.997.219	20.821.050	-	8.428.967.908
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	8.850.304.328	569.753.777	1.749.385.611	238.743.815	-	11.408.187.531
Số cuối kỳ	46.950.103.365	34.073.822.826	2.197.552.141	57.748.950	-	83.279.227.282

Nguyên giá TSCĐ đang dùng đã hết khấu hao: 96.018.718 đồng

Các tài sản trên đã được thế chấp vay vốn tại các ngân hàng

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Chi phí chuyển nhượng quyền thuê đất NMG	Chi phí khai hoang đất NT Nước Trong	Chi phí khai hoang đất NT Tân Hưng	Chi phí thi hành án thu hồi đất	Phần mềm quản lý đất	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.093.521.500	7.168.235.383	2.124.624.360	1.084.600.386	117.000.000	12.587.981.629
Tăng trong kỳ	1.117.217.317	-	-	-	-	1.117.217.317
Số cuối kỳ	3.210.738.817	7.168.235.383	2.124.624.360	1.084.600.386	117.000.000	13.705.198.946
Giá trị hao mòn						

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số đầu năm	-	6.704.698.050	1.896.269.788	60.022.977	93.600.000	8.754.590.815
Khấu hao trong năm	64.214.778	142.626.864	42.157.764	23.067.408	23.400.000	295.466.814
Số cuối năm	64.214.778	6.847.324.914	1.938.427.552	83.090.385	117.000.000	9.050.057.629
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.093.521.500	463.537.333	228.354.572	1.024.577.409	23.400.000	3.833.390.814
Số cuối năm	3.146.524.039	320.910.469	186.196.808	1.001.510.001	-	4.655.141.317

Nguyên giá TSCĐ đang dùng đã hết khấu hao: 117.000.000 đồng

Các tài sản trên đã được thế chấp vay vốn tại các ngân hàng

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vườn trà	1.288.830.000	-
Dự án nhà máy gạo Bến Cầu	-	66.212.899.137
Cộng	1.288.830.000	66.212.899.137

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động đầu tư là Nhà cửa vật kiến trúc mà Công ty đang cho thuê như: Dãy kho Kioque, Kho cảng Bến kéo, kho Tân Đông, Nhà cửa vật kiến trúc của Trại mía giống..... Tình hình tăng giảm Bất động sản đầu tư như sau:

Nguyên giá	
Số đầu năm	13.397.332.793
Chuyển 242 theo TT45	(15.000.000)
Số cuối năm	13.382.332.793
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	2.729.022.146
Khấu hao	598.376.715
Chuyển 242 theo TT45	(8.759.013)
Số cuối năm	3.318.639.848
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	10.668.310.647
Số cuối năm	10.063.692.945

Nguyên giá BĐS ĐT đang dùng đã hết khấu hao: 237.272.960 đồng

Các tài sản trên đã được thế chấp vay vốn tại các ngân hàng

*** Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần Công ty sở hữu	Số lượng cổ phiếu sở hữu(*)	Vốn đầu tư
Công ty cổ phần Đường Nước Trong	51%	2.958.000	14.790.000.000
Công ty cổ phần Trà Phí	57,14%	56.000	5.600.000.000
Cty CP TV ĐTXD Tây Ninh	61,15%	20.792	2.529.298.000
Cty CP DT Cụm CN Tân Hội	68%	1.100.000	11.000.000.000
Cty Cao Su Nước Trong	53%	1.590.000	15.900.000.000
Cty CP Khoai Mì Nước Trong	64%	2.304.000	29.952.000.000
Cty CP Thiết bị cơ nhiệt Tây Ninh	60%	588.000	5.880.000.000
Cộng			85.651.298.000

(*): Trong Cổ phiếu của Công ty Đường Nước trong có 1.479.000 cổ phiếu chia bằng cổ tức năm 2011

*** Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ Công ty	
	sở hữu	Vốn đầu tư
Cty Khoai mì Tây Ninh	30%	23.965.570.400
Cty Liên Doanh TapioCa VN	30%	23.412.000.000
Trung tâm khảo nghiệm và SX Mía giống	20%	1.200.000.000
Cộng		48.577.570.400

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu Công ty Du lịch Tây Ninh (4,3% Vốn điều lệ)	1.677.864.096	1.677.864.096
Cho vay dài hạn (*)	22.803.108.979	28.088.920.979
+ Công ty Mía Đường BOURBÓN Tây Ninh vay vốn AFD	15.511.221.000	17.897.563.000
+ Công ty CP Trà Phí	-	1.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đường Nước Trong vay vốn AFD theo HĐTD và PLHDTD số 02/HDTD	7.058.825.000	8.235.295.000
+ Công ty Cổ phần Đường Nước Trong vay mua máy cày	227.000.000	950.000.000
+ Các cá nhân đầu tư trồng cao su	6.062.979	6.062.979
Cộng	24.480.973.075	29.766.785.075

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự phòng khoản lỗ của Công ty CP CSNT	-	(5.057.117.644)
- Dự phòng khoản lỗ của Công ty CP KMNT	(2.945.113.896)	-
- Dự phòng khoản lỗ của Công ty CP Cơ nhiệt	(1.257.049.157)	-
Cộng	(4.202.163.053)	(5.057.117.644)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ Dụng cụ VP Cty	449.490.548	383.572.186
Công cụ Dụng cụ cảng bến kéo	-	37.689.781
Công cụ Dụng cụ Nhà máy gạo	298.654.062	171.097.953
Cộng	748.144.610	592.359.920

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	74.994.800.000	139.206.368.964

Vay vốn Ngân hàng An Bình theo hợp đồng số 12/TDHM/I.19 ngày 25 tháng 12 năm 2012 với hạn mức 50.000.000.000 đồng. Thời hạn 12 tháng, thế chấp bằng phần vốn góp cổ phần của công ty vào Cty CP Cao su nước trong, Công ty CP Thiết bị cơ nhiệt tây ninh, Công ty CP Trà phí, Cty CP ĐT Cụm CN Tân Hội, kho tân đồng... với tổng giá trị tài sản khoản 49.706.000.000 đồng và các khoản nợ phải thu ⁽¹⁾

37.304.000.000	49.832.000.000
----------------	----------------

Vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Tây Ninh theo hợp đồng 5700LAV201202471 ngày 28/03/2012 với hạn mức 75.000.000.000 đồng và các phụ lục gia hạn thời gian khoản vay. Thời hạn vay 12 tháng. Đảm bảo tiền vay là toàn bộ tài sản cố định của công ty và phần vốn góp vào các công ty còn lại. TK: 5700010376811

21.190.800.000	62.374.505.964
----------------	----------------

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vay vốn Ngân hàng ĐT&PTNT-CN Tây Ninh theo hợp đồng TD số 04/2013/HĐ ngày 02/10/2013. Thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 9%/năm. Vay thanh toán tiền mua bột mì

4.000.000.000

Vay vốn ngân hàng Công thương Hoà thành theo 03 hợp đồng số 1019, 1094, 1362 với số tiền hợp đồng là 27.000.000.000 đồng thời hạn từ 10 đến 12 tháng. Tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với giá trị 7.500.000.000 đồng Tại ngân hàng công thương chi nhánh hoà thành và giấy chứng nhận phần góp vốn của Công ty tại Cty TNHH Tapioka và Cty TNHH Khoai mì tây ninh với giá trị: 48.238.740.000 đồng

26.999.863.000

Vay vốn Công ty CP đường Nước Trong theo hợp đồng số 04.2013/HĐTD ngày 30/9/2013, hạn mức 15.000.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay luân chuyển 01 tháng

12.500.000.000

Vay dài hạn đến hạn trả**14.028.827.192****11.436.600.468**

Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh

1.500.000.000

1.460.000.000

Ngân hàng Phát triển Tây Ninh (AFD)

4.416.600.468

4.416.600.468

Ngân hàng An Bình

8.112.226.724

5.560.000.000

Cộng**89.023.627.192****150.642.969.432****(1): Chi tiết số dư theo giấy nhận nợ**

GNN 10- 16/8/2013

1.780.000.000

GNN 11- 19/8/2013

3.500.000.000

GNN 12- 23/8/2013

2.500.000.000

GNN 13- 27/8/2013

4.410.000.000

GNN 14- 29/8/2013

2.290.000.000

GNN 15- 19/9/2013

4.000.000.000

GNN 16- 17/10/2013

5.600.000.000

GNN 17- 21/11/2013

4.116.000.000

GNN 18- 14/12/2013

9.108.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Số kết chuyển trong năm	Số tiền đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	139.206.368.964	273.718.150.000	-	337.929.718.964	74.994.800.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.436.600.468	-	14.018.827.192	11.426.600.468	14.028.827.192
Cộng	150.642.969.432	273.718.150.000	14.018.827.192	349.356.319.432	89.023.627.192

*** Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
DNTN Hồng Lĩnh	185.000.000	-
Công ty TNHH Thái Nguyên Khang	160.549.240	-
Công ty CP Tư Vấn và Đầu Tư Xây Dựng Tây Ninh	173.155.000	-
Công ty Phú Thịnh	-	766.379.600
Công ty TNHH DV Vận Tải Đông Đô	-	270.000.000
Công ty Thiết bị cơ nhiệt	-	278.233.700
Các đối tượng khác	79.890.130	167.363.752
Cộng	598.594.370	1.481.977.052

*** Người mua trả trước****Số cuối năm****Số đầu năm**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty VLXD&XL TM BMC(xây NM mì Kontum)	-	15.200.000.175
WANGFUXUN TRADING CO., LTD OF NAPO COUNTY	100.000.000	-
GouQiDoLi Trade Co.,Ltd	-	2.168.000.000
Các đối tượng khác	11.644.192	147.748.700
Cộng	111.644.192	17.515.748.875

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	8.414.862.975	8.574.511.294	(159.648.319)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	574.811.705	-	574.811.705	-
Thuế thu nhập cá nhân	(198.246.351)	654.667.155	453.788.161	2.632.643
Thuế tài nguyên	2.217.349	6.992.660	6.638.151	2.571.858
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	292.812.672	4.375.549.839	4.668.362.511	-
Thuế khác	-	554.663.316	555.663.316	(1.000.000)
Các khoản phải nộp khác	(98.259)	-	-	(98.259)
Cộng	671.497.116	14.006.735.945	14.833.775.138	(155.542.077)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Kinh doanh mua bán mía đường và các thiết bị phục vụ ngành mía	5%
- SX Kinh doanh gạo, phụ phẩm từ SX gạo	5%
- Cho thuê mặt bằng, thanh lý tài sản và vật tư	10%
- Mía giống	Không chịu thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp trong kỳ được trình bày ở thuyết minh VI.30.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

*** Phải trả công nhân viên**

	Năm 2013
Lương còn phải trả đầu năm của nhân viên	3.046.379.780
Quỹ thù lao ban kiểm soát	85.088.977
Quỹ lương trích trong năm của Nhân viên(*)	5.009.331.956
Quỹ tiền lương ban giám đốc(*)	495.000.000
Quỹ tiền lương kế toán trưởng(*)	180.000.000
Thù lao ban kiểm soát(*)	29.000.000
Lương nhà máy gạo	1.535.251.391
Lương đã trả trong năm	9.351.519.546
Lương còn phải trả	1.028.532.558

Khoản lương còn phải trả cuối năm sẽ được chi trả hết trong quý 1 năm 2014.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay vốn AFD phải trả	239.151.707	277.907.275
Chi phí Quỹ Đầu tư phát triển	-	6.449.589
Lãi vay các NHTM khác	135.800.456	1.515.420.588
Chi phí vận chuyển bột xk	7.980.000	450.000.000
Chi phí bốc xếp nhà máy gạo	-	228.186.651
Chi phí BV nhà máy gạo tháng 12	19.800.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí kiểm toán	40.000.000	102.000.000
Cộng	442.732.163	3.579.964.103
18. Các khoản phải trả, phải nộp khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí Công đoàn	-	112.390.239
Cty TNHH Kinh Doanh Nông Sản Kim Ngọc	-	138.798.500
Thu tiền thi hành án vụ tiểu khu 41	-	110.795.925
Ứng vốn, lợi nhuận từ các công ty con, liên kết	4.350.000.000	2.958.000.000
Tiền Đặt cọc mua trầu	300.000.000	300.000.000
Tiền hỗ trợ của TT khuyến công và tư vấn PTCN	-	55.500.000
Thù lao đại diện vốn Nhà nước	140.600.000	-
Hộ nông dân	76.793.364	-
Ứng hộ	500.000.000	-
Khác	74.855.663	325.000
Cộng	5.442.249.027	3.675.809.664
* Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	1.331.993.851	1.200.582.981
Quỹ phúc lợi	1.177.952.422	986.595.438
Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi	125.254.798	-
Quỹ khen thưởng ban điều hành	110.073.015	531.777.431
Cộng	2.745.274.086	2.718.955.850
* Phải trả dài hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký cược	40.000.000	40.000.000
Cộng	40.000.000	40.000.000
20. Vay và nợ dài hạn		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn		
Vay dài hạn Quỹ Hỗ trợ Phát Triển – CN Tây Ninh theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-VNN ngày 14/09/1999 và Phụ lục Hợp đồng số 01-PLHĐ/HĐ-VNN ngày 05/11/1999. Mục đích vay để phát triển vùng nguyên liệu mía, lãi suất là 3,9%/năm với thời hạn là 20 năm và ân hạn là 5 năm. Số tiền vay gốc là 66.249.007.000 đồng	23.277.009.787	27.693.610.255
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh theo Hợp đồng tín dụng số 01-2002/HĐTD ngày 30/12/2002 và Hợp đồng tín dụng số 02-2003/HĐTD ngày 07/03/ 2003. Mục đích vay để đầu tư dự án liên doanh sản xuất tinh bột khoai. Lãi suất là 11,7%/năm với thời hạn là 15 năm và ân hạn là 1 năm. Số tiền vay gốc là 16.000.000.000 đồng.	-	1.490.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng An Bình theo hợp đồng tín dụng số 0337/11/TD/I.19 ngày 26/12/2011 và HĐTD số 0001/13/TD/I.19 ngày 07/02/2013. Thời hạn vay 60 tháng ân hạn 6 tháng để đầu tư cho dự án nhà máy gạo. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 20.256,9m ² của nhà máy gạo và quyền sở hữu công trình xây dựng nhà máy gạo tổng giá trị TS thế chấp tương đương 28.785.648.067 đồng. ⁽¹⁾	21.229.736.848	19.440.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Nợ dài hạn</i>	-	-
Cộng	44.506.746.635	48.623.610.255
(1) Chi tiết số dư		
LD1213100028 - Lãi suất 13%	10.959.089.152	
LD1217700073 - Lãi suất 15%	8.300.910.848	
LD1303900109 - Lãi suất 15%	5.884.763.265	
LD1313400144 - Lãi suất 14%	4.197.200.307	

22. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ	Lợi nhuận sau thuế chưa PP
Số đầu năm nay	135.570.319.665	38.867.097.662	9.280.205.596	-	35.887.721.109
Tăng vốn năm nay	15.750.008.417	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	10.527.087.395	3.203.369.825	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(32.033.698.247)
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	2.369.287.378
Chi tài trợ năm trước	-	-	-	-	(3.060.000.000)
Số dư cuối năm	151.320.328.082	49.394.185.057	12.483.575.421	-	2.663.310.240

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	402.206.469.749	542.340.747.291
Doanh thu bán Thành phẩm, hàng hóa	162.409.782.556	306.891.067.395
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.152.350.327	3.260.108.458
Doanh thu quản lý đất nông nghiệp	13.286.481.998	12.506.364.903
Doanh thu bán thành phẩm (mía cây, củ mì, mù cao su)	194.786.426.297	219.683.206.535
Doanh thu Thiết bị nhà Máy mì Kontum	28.571.428.571	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	16.136.364	-
- Hàng bán bị trả lại	16.136.364	-
Doanh thu thuần	402.190.333.385	542.340.747.291

27. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp	164.223.874.201	274.781.795.301
Giá vốn quản lý đất nông nghiệp	1.382.226.851	1.491.537.605
Giá vốn bán thành phẩm (mía cây, củ mì, mù cao su)	194.569.129.429	219.683.206.535
Giá vốn Thiết bị nhà Máy mì Kontum	26.444.129.270	-
Giá vốn dự phòng	-	4.548.715.000
Giá vốn hàng bán	386.619.359.751	500.505.254.441

26. Doanh thu tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	3.069.556.407	3.832.223.818
Chênh lệch tỷ giá	8.715.007	80.057.618
Lãi tiền gửi Ngân Hàng	3.041.508.990	1.785.077.948
Lãi chậm trả	134.825.800	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	40.382.348.836	35.908.180.400

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hoàn nhập dự phòng đầu tư	5.057.117.644	-
Cộng	51.694.072.684	41.605.539.784
28. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.833.194.078	11.174.572.219
Dự phòng đầu tư dài hạn	4.202.163.053	-
Chênh lệch tỷ giá	-	3.888.475
Chi phí pháp lý	50.000.000	-
Phí quản lý tài sản	139.704.546	-
Cộng	21.225.061.677	11.178.460.694
* Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.784.771.601	16.054.574.148
Chi phí bằng tiền khác	125.062.006	106.153.900
Cộng	4.909.833.607	16.160.728.048
* Chi phí quản lý		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.115.958.286	9.973.481.390
Khấu hao tài sản cố định	1.401.234.943 DV	1.248.293.384
Chi phí cảng Bến Kéo	877.869.518 DV	988.287.604
Chi phí công cụ, dụng cụ	176.715.219	130.618.051
Thuế, phí, lệ phí	4.527.421.810 DV	6.198.855.112
Chi phí lập dự phòng	16.733.699.800	211.854.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.120.592.766 DV	1.250.393.990
Chi phí bằng tiền khác	3.420.997.432	1.954.134.230
Cộng	35.374.489.774	21.955.918.514
* Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Tiền hỗ trợ của TT khuyến công	55.500.000	-
Thu hồi án phí	65.174.375	-
Xử lý công nợ	713.491.100	-
Thu thanh lý TSCĐ	-	629.727.273
Xử lý công nợ	130.803.152	-
Thu tiền thi hành án	120.795.925	-
Tiền bồi thường sà lan	17.018.800	-
Thu nhập khác	27.079.200	194.554.155
Cộng	1.129.862.552	824.281.428
* Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	468.033.480
Chi phí hỗ trợ XD Nông thôn mới	-	-
Thuế GTGT không khấu trừ và tiền nộp chậm	1.271.150.508	-
Chi phí khác	806.515	21.980.001
Cộng	1.271.957.023	490.013.481
29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm nay	Năm trước

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.613.566.789	34.480.193.325
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.769.333.516	4.320.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(53.359.466.480)	(35.908.180.400)
Tổng thu nhập chịu thuế	(44.976.566.175)	2.892.012.925
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>	-	723.003.231
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	723.003.231
30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.244.279.411	(1.080.000.000)
Cộng	3.244.279.411	(1.080.000.000)
* Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	382.966.291.657	494.172.705.924
Chi phí nhân công	8.120.520.547	10.265.777.302
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.459.812.901	1.569.780.133
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.905.364.367	17.304.968.138
Chi phí dự phòng	16.733.699.800	211.854.753
Chi phí khác bằng tiền	8.717.993.860	15.096.814.753
Cộng	426.903.683.132	538.621.901.003

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

+ Khoản công nợ bán hàng XK với Công ty HHTM XNK Xi Lai Phúc-Bằng Tường-Quảng Tây -Trung Quốc với số tiền 35.181.000.000 đồng, đã quá hạn 6 tháng đến 01 năm. Công ty đã đưa ra trọng tài quốc tế xử lý tranh chấp thu hồi nợ, nhưng khả năng thu hồi rất khó khăn. Vì vậy, Công ty đã trích lập dự phòng 30% với số tiền 10.554.300.000 đồng.

+ Khoản công nợ bán hàng XK với Công ty GUO QI DO LI Trade Co., LTD -Trung Quốc với số tiền 19.891.818.000 đồng, do không lập tờ khai hải quan, bị hải quan Trung Quốc Bắt giữ đã quá hạn 6 tháng đến 01 năm. Khả năng thu hồi rất khó khăn. Vì vậy, Công ty đã trích lập dự phòng 30% với số tiền 5.967.545.400 đồng.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Đường Nước Trong	51%	Công ty con
Công ty cổ phần Trà Phí	57,14%	Công ty con
Công ty CP TV ĐTXD Tây Ninh	61,15%	Công ty con
Công ty CP DT Cụm CN Tân Hội	68%	Công ty con
Công ty Cao Su Nước Trong	53%	Công ty con
Công ty CP Khoai mì nước Trong	64%	Công ty con
Công ty CP Thiết Bị Cơ Nhiệt Tây Ninh	60%	Công ty con
Công ty Khoai mì Tây Ninh	30%	Công ty liên kết

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 17 Đường Võ Thị Sáu - Phường 3 - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Liên Doanh Tapioca VN	30%	Công ty liên kết
Trung tâm khảo nghiệm và cung cấp mía giống	20%	Liên doanh
Công ty Du lịch Tây Ninh	4,3%	Công ty có góp vốn cổ phần

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	VND
1. Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Chia cổ tức 2012, 2013	11.832.000.000
	Vay ngắn hạn	32.500.000.000
	Thu, chi hộ tiền mía, đất..	195.247.469.421
	Mua đường RS	936.000.000
2. Công ty Cổ phần Khoai mì Nước Trong	Chia cổ tức 2012	1.958.400.000
	Bán Mì củ, nước	65.087.327.656
	Cho vay ngắn hạn	19.500.000.000
	Lãi cho vay	281.750.000
3. Công ty Cổ phần Trà Phí	Mua bột mì	102.992.352.000
	Chia cổ tức 2012	1.680.000.000
	Cho vay ngắn hạn	7.000.000.000
4. Cty Cao su nước Trong	Lãi cho vay	536.988.891
	Mua bao	1.062.723.225
	Bán Mủ cao su	15.948.445.289
	Cho vay ngắn hạn	15.000.000.000
5. Công ty Liên Doanh Tapioca VN	Lãi cho vay	85.833.334
	Mua mủ CS chế biến	25.237.800.000
6. Cty TNHH Khoai Mì Tây Ninh	Lãi liên doanh 2012	4.707.000.000
	Bán bột mì	18.873.000.000
7. Công ty CP TV ĐTXD Tây Ninh	Cho vay ngắn hạn	18.700.000.000
	Chia cổ tức 2012	311.880.000
	Cho vay ngắn hạn	6.900.000.000
	Lãi cho vay	800.865.000
8. Công ty CP TMDL Tây Ninh	Thuê xây lắp	4.642.644.857
	Chia cổ tức 2012	237.456.000
9. Cty CP ĐHTT CCN Tân Hội	Cho vay ngắn hạn	5.500.000.000
	Lãi cho vay	103.125.000
10. Công ty CP Thiết bị Cơ Nhiệt tây Ninh	Cho vay ngắn hạn	2.600.000.000
	Lãi cho vay	107.524.503
	Thuê xây lắp	7.044.056.350
11. Trung tâm khảo nghiệm và cung cấp mía giống	Chia lợi nhuận 2012	782.612.836
		568.197.254.362

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	VND
1. Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Thu, chi hộ, lãi vay	250.301.665
2. Công ty Cổ phần Khoai mì Nước Trong	Bán củ mì	3.524.198.661
	Cho vay ngắn hạn	11.000.000.000
	Lãi cho vay	167.250.000
	Ứng tiền mua bột	3.000.000.000
3. Công ty Cổ phần Cao su Nước Trong	Thu, chi hộ	142.913.875
4. Cty CP ĐHTT CCN Tân Hội	Cho vay ngắn hạn	5.500.000.000
	Lãi cho vay	103.125.000
5. Công ty CP Thiết bị Cơ Nhiệt tây Ninh	Cho vay ngắn hạn	950.000.000
	Lãi cho vay	67.471.380

6. Công ty Cổ phần Trà Phí	Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000
7. Công ty CP TV ĐTXD Tây Ninh	Cho vay ngắn hạn	7.780.000.000
	Lãi cho vay	748.532.006
Cộng nợ phải thu		36.233.792.587

1. Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Nợ vay ngắn hạn	12.500.000.000
2. Công ty TNHH Khoai Mì Tây Ninh	Mượn cổ tức 2013	3.500.000.000
3. Công ty TNHH Tapioca Việt Nam	Mượn cổ tức 2013	850.000.000
4. Công ty CP TV ĐTXD Tây Ninh	Xây lắp	173.155.000
Cộng nợ phải trả		17.023.155.000

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu		Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	29,63	42,4
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	70,37	57,6
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	40,32	51,6
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	59,68	48,4
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,48	1,9
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,08	1,1
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,44	0,3
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1,40	6,4
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0,59	6,4
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,55	7,6
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,66	7,7
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	1,10	15,9

Tây Ninh, ngày 19 tháng 01 năm 2014



Nguyễn Quốc Ái Di

Nguyễn Quốc Ái Di
Người lập biểu

Nguyễn Thị Phúc

Nguyễn Thị Phúc
Kế toán trưởng

Trần Cảnh Lạc
Trần Cảnh Lạc
Giám đốc